TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 267/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 8, ngày 31 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 29, 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2021, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Vương Vũ Tr, sinh năm 1991; Địa chỉ: Đường P, Phường M, Quận T, Thành phố H.

2. Bà Trương Thị Kim G, sinh năm 1996; Địa chỉ: Đường P, Phường M, Quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 3 năm 2022, những nội dung các đương sự thỏa thuận được như sau:

[1] Về hôn nhân: Ông Tr và bà G yêu nhau và đã đăng ký kết hôn theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 52, ngày 28/11/2017 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố H. Năm 2020, thì vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên đã nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Tr và bà G khai có 01 (một) con chung tên Vương Bửu K, sinh ngày 11/01/2018 đăng ký tại đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố H. Hai bên thống nhất để ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;;

[3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Tr và bà G mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng ông Tr tự nguyện chịu toàn bộ và được bà G đồng ý, nên Toà án ghi nhận thoả thuận của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Vương Vũ Tr và bà Trương Thị Kim G thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 52, ngày 28/11/2017 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố H).

- Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên Vương Bửu K, sinh ngày 11/01/2018 cho ông Tuyễn trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi việc nuôi con, đóng góp phí tổn nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Vương Vũ Tr tự nguyện chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông Tr đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0016509 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Vương Vũ Tr đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thành Trung